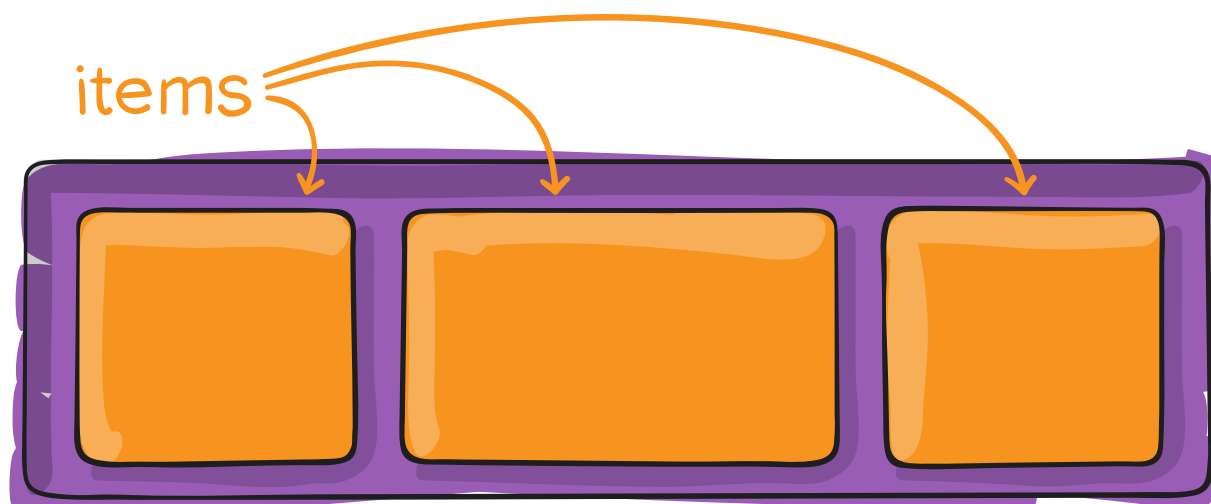


Khi một khối được thiết lập thành **display: flex**, nó trở thành một flex container và tất cả các phần tử con trực tiếp của nó trở thành flex items.

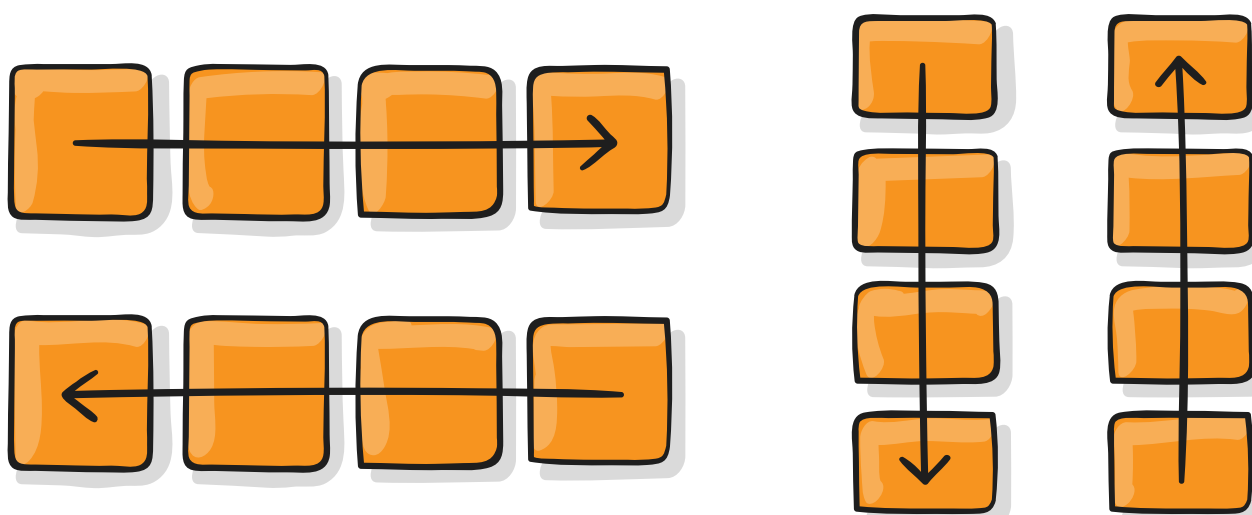
Display: flex

display: flex: Thiết lập một phần tử thành flex container. Thuộc tính này luôn đặt trên phần tử cha, không phải trên phần tử con.



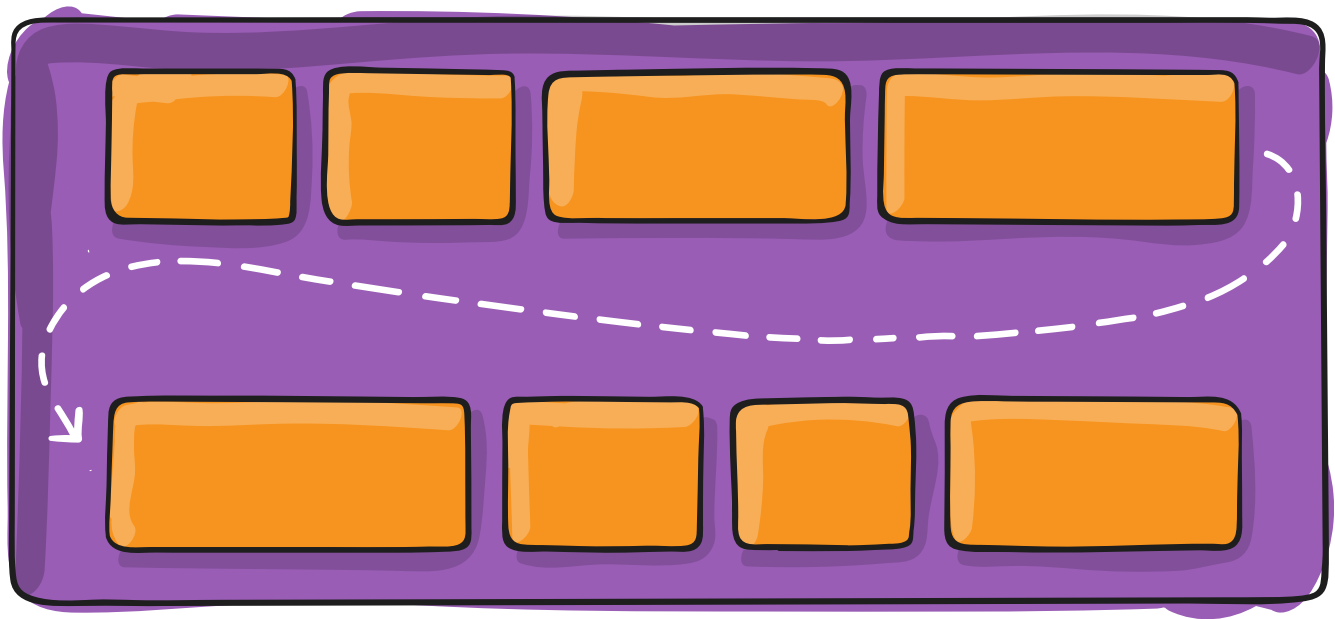
Flex-direction

flex-direction: Xác định hướng sắp xếp của các phần tử con trong container. Có 4 giá trị chính: **row**, **row-reverse**, **column**, **column-reverse** tương ứng với các hướng.



Flex-wrap

flex-wrap: Xác định cách sắp xếp các phần tử con khi không đủ không gian trên một dòng. Có 3 giá trị chính: **nowrap**, **wrap**, **wrap-reverse**.



Flex-flow

flex-flow: Kết hợp **flex-direction** và **flex-wrap** thành một thuộc tính duy nhất.

```
.container {  
  flex-flow: column wrap;  
}
```

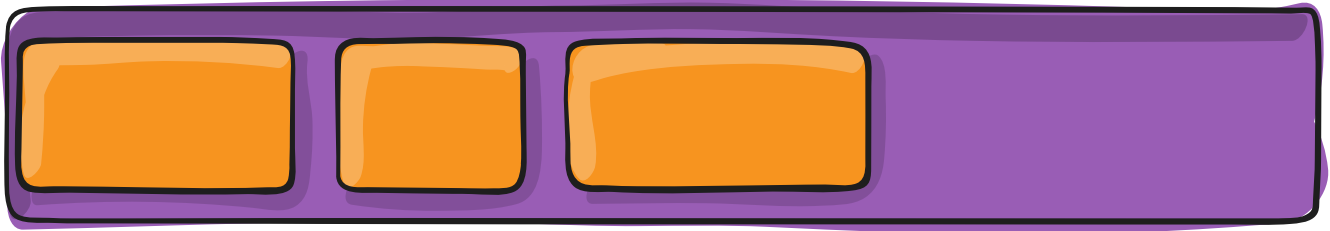
Ví dụ:

```
<style>  
  .container {  
    display: flex;  
    flex-flow: row wrap;  
  }  
</style>  
  
<div class="container">  
  <div class="item">1</div>  
  <div class="item">2</div>  
  <div class="item">3</div>  
  <div class="item">4</div>  
  <div class="item">5</div>  
  <div class="item">6</div>  
</div>
```

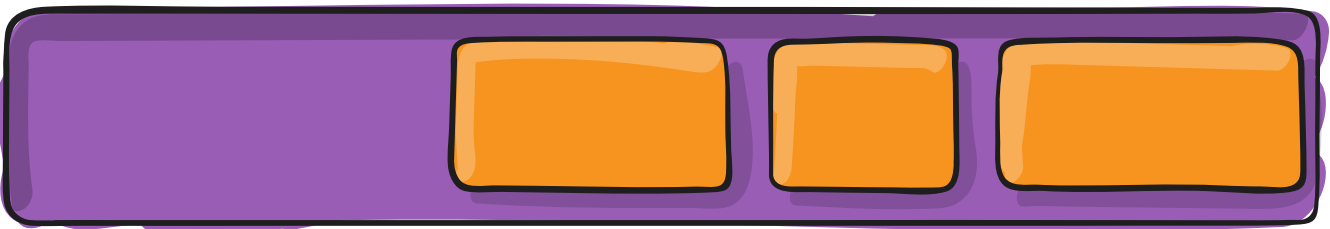
Justify-content

justify-content: Điều chỉnh không gian giữa các phần tử con theo trục chính (main axis). Có 5 giá trị chính: `flex-start`, `flex-end`, `center`, `space-between`, `space-around`, `space-evenly`.

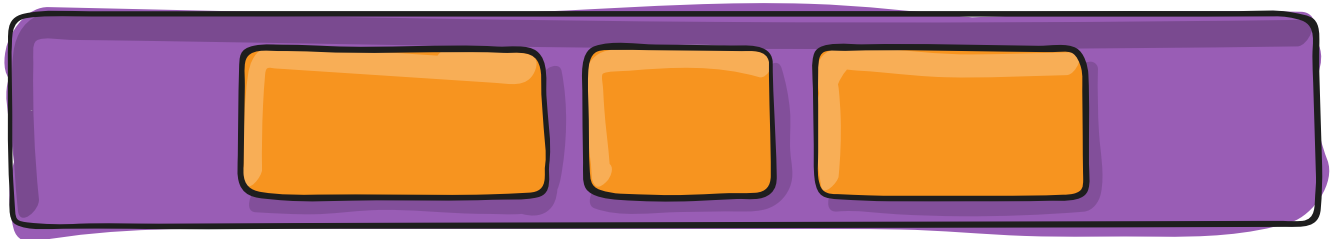
flex-start



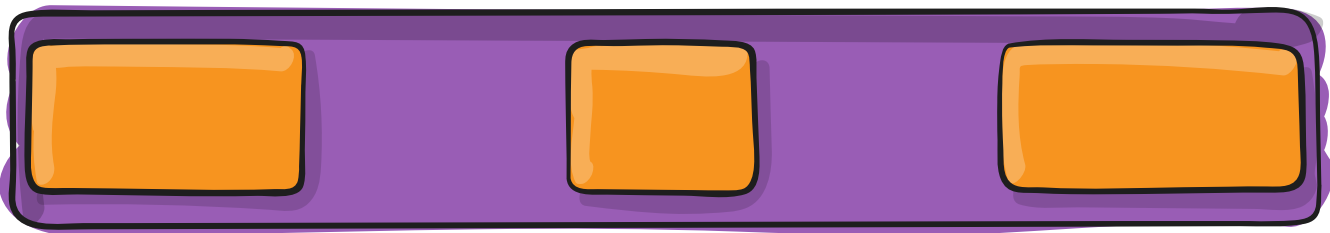
flex-end



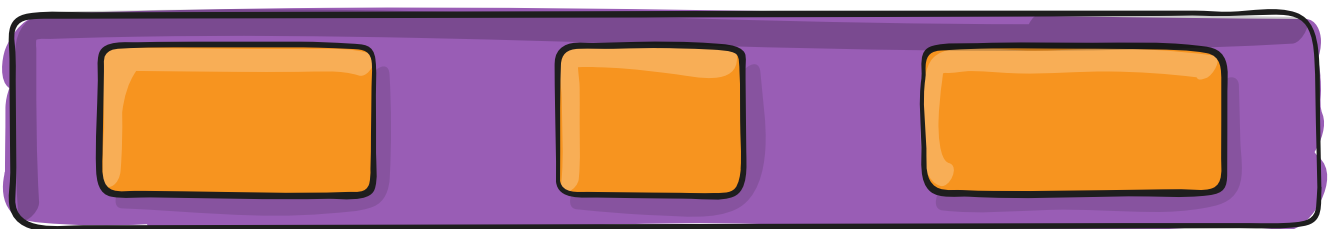
center



space-between

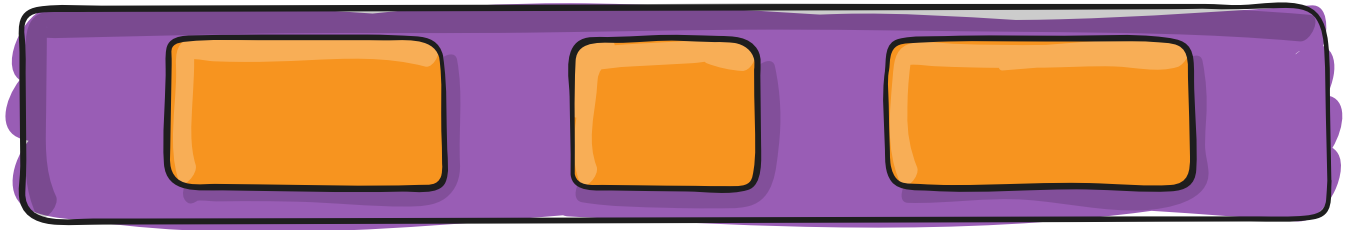


space-around



space-evenly

space-evenly



Trong đó:

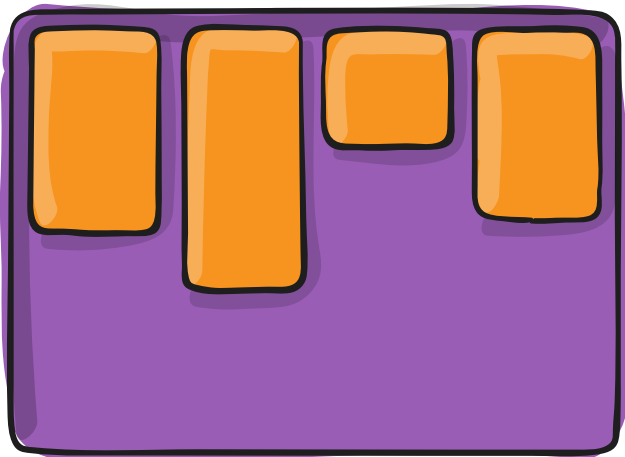
- **flex-start**: Các phần tử con được căn lề bên trái (hoặc bên trên nếu là trực dọc).
- **flex-end**: Các phần tử con được căn lề bên phải (hoặc bên dưới nếu là trực dọc).
- **center**: Các phần tử con được căn giữa.
- **space-between**: Các phần tử con được căn đều với khoảng cách giữa chúng.
- **space-around**: Các phần tử con được căn đều với khoảng cách giữa chúng và ở hai bên sao cho khoảng cách giữa phần tử con cạnh lề và lề chỉ bằng 1/2 khoảng cách 2 phần tử con liên tiếp.
- **space-evenly**: Các phần tử con được căn đều với khoảng cách giữa chúng và ở cả hai bên.

Thi thoảng chúng ta cũng gặp các giá trị khác của justify-content như: **start**, **end**, **left**, **right**, **safe**, **unsafe**. Sự khác nhau cơ bản giữa giá trị **flex-start** và **start** là **start** sẽ dựa vào hướng của văn bản (LTR hoặc RTL) để xác định hướng bắt đầu, nếu như gặp một số ngôn ngữ có cách viết từ phải qua trái (ví dụ như tiếng Nhật) thì có thể thấy rõ sự khác nhau giữa **flex-start** và **start**.

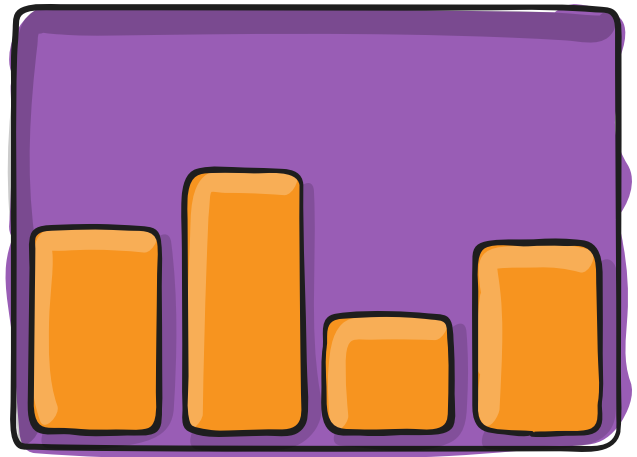
Align-items

align-items: Điều chỉnh không gian giữa các phần tử con theo trục phụ (cross axis). Có 5 giá trị chính: **stretch**, **flex-start**, **flex-end**, **center**, **baseline**.

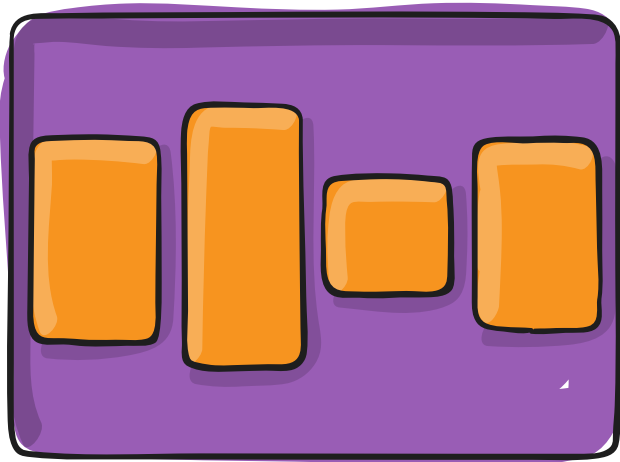
flex-start



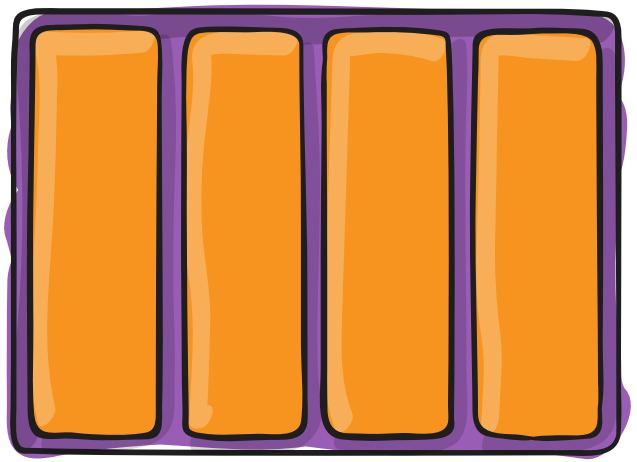
flex-end



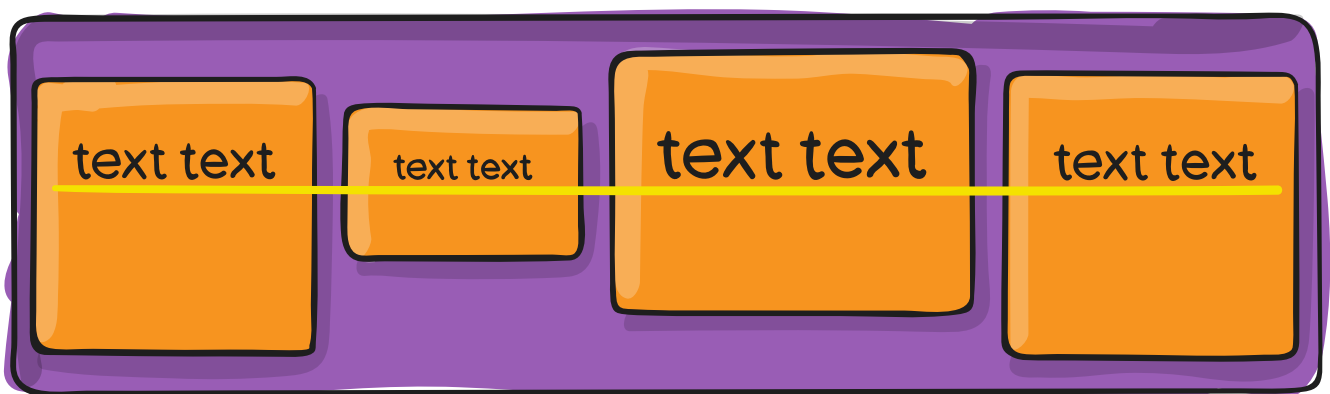
center



stretch



baseline



Trong đó:

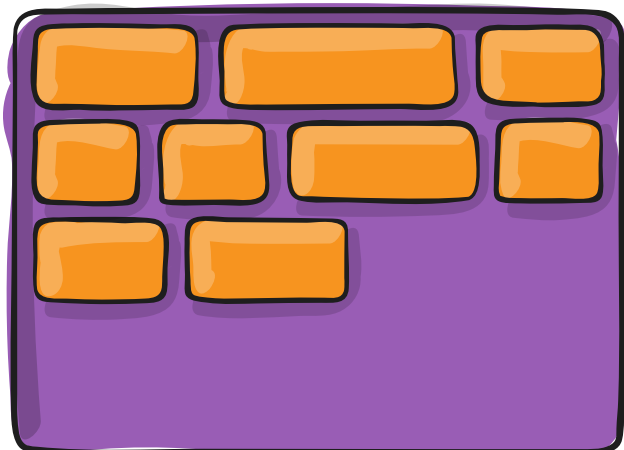
- **stretch**: Các phần tử con được kéo ra để đạt đúng kích thước của container.
- **flex-start**: Các phần tử con được căn lề bên trái (hoặc bên trên nếu là trực dọc).
- **flex-end**: Các phần tử con được căn lề bên phải (hoặc bên dưới nếu là trực dọc).

- **center**: Các phần tử con được căn giữa.
 - **baseline**: Các phần tử con được căn dựa trên baseline của chữ (có nghĩa là khối hộp chiếm độ rộng bao nhiêu thì chúng vẫn luôn được chia đôi để nằm cân xứng trên trục chính).
-

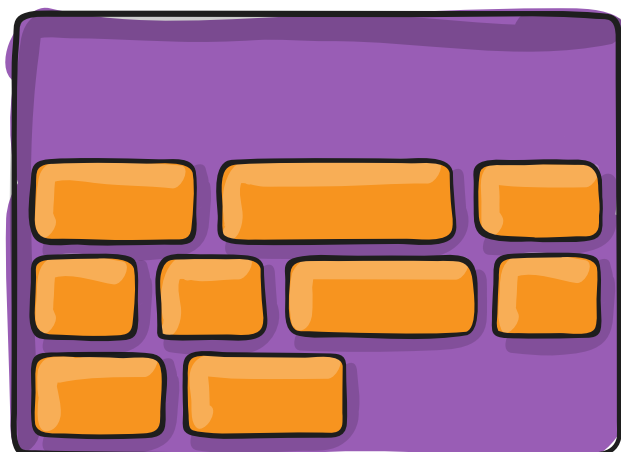
Align-content

align-content: Điều chỉnh không gian giữa các dòng của phần tử con khi có nhiều dòng. Có 6 giá trị chính: **stretch**, **flex-start**, **flex-end**, **center**, **space-between**, **space-around**.

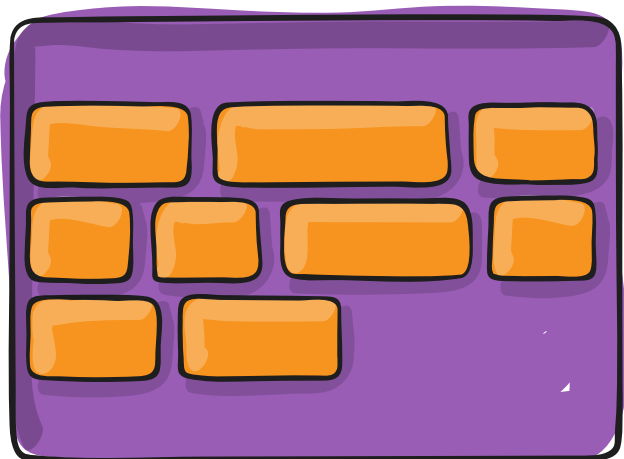
flex-start



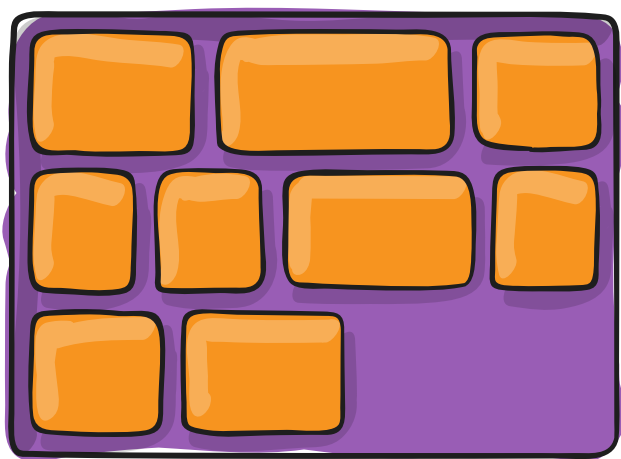
flex-end



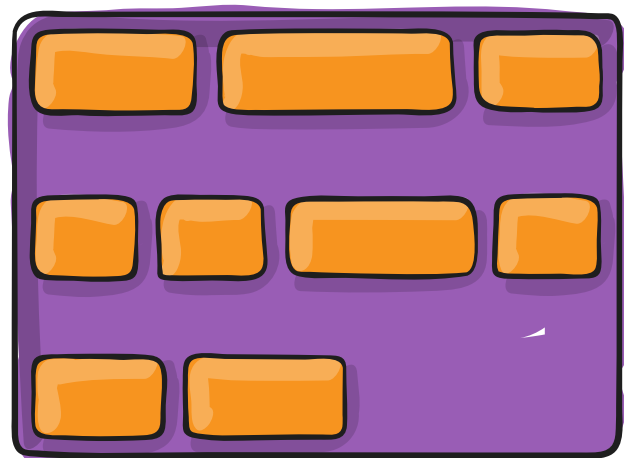
center



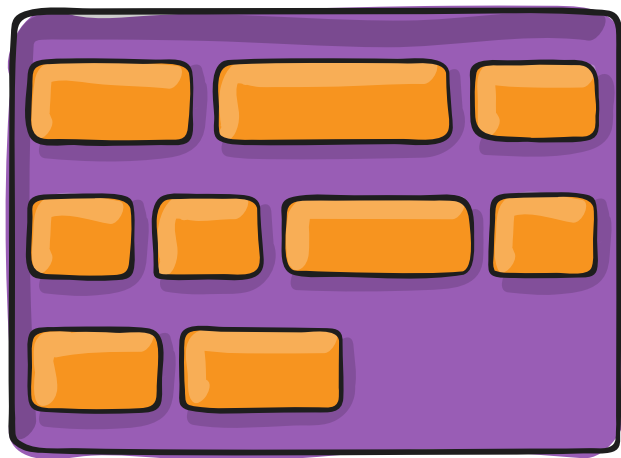
stretch



space-between



space-around



Trong đó:

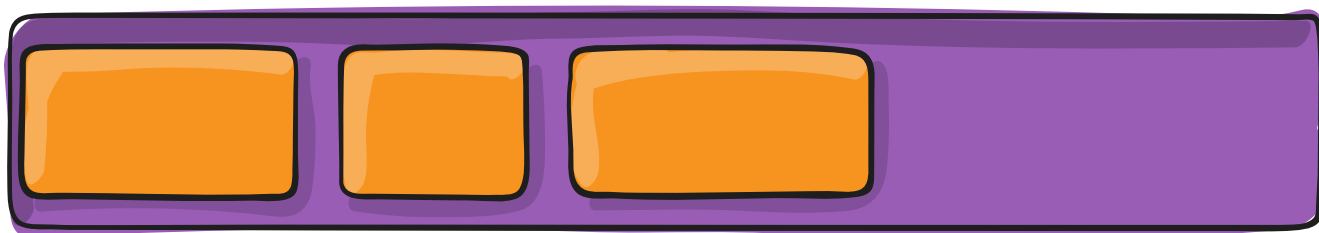
- **stretch**: Các dòng được kéo ra để đạt đúng kích thước của container.
- **flex-start**: Các dòng được căn lề bên trái (hoặc bên trên nếu là trực dọc).

- **flex-end**: Các dòng được căn lề bên phải (hoặc bên dưới nếu là trục dọc).
 - **center**: Các dòng được căn giữa.
 - **space-between**: Các dòng được căn đều với khoảng cách giữa chúng.
 - **space-around**: Các dòng được căn đều với khoảng cách giữa chúng và ở hai bên sao cho khoảng cách giữa dòng cạnh lề và lề chỉ bằng 1/2 khoảng cách 2 dòng liên tiếp.
 - **space-evenly**: Các dòng được căn đều với khoảng cách giữa chúng và ở cả hai bên (hoặc trên dưới tùy theo flex-direction).
-

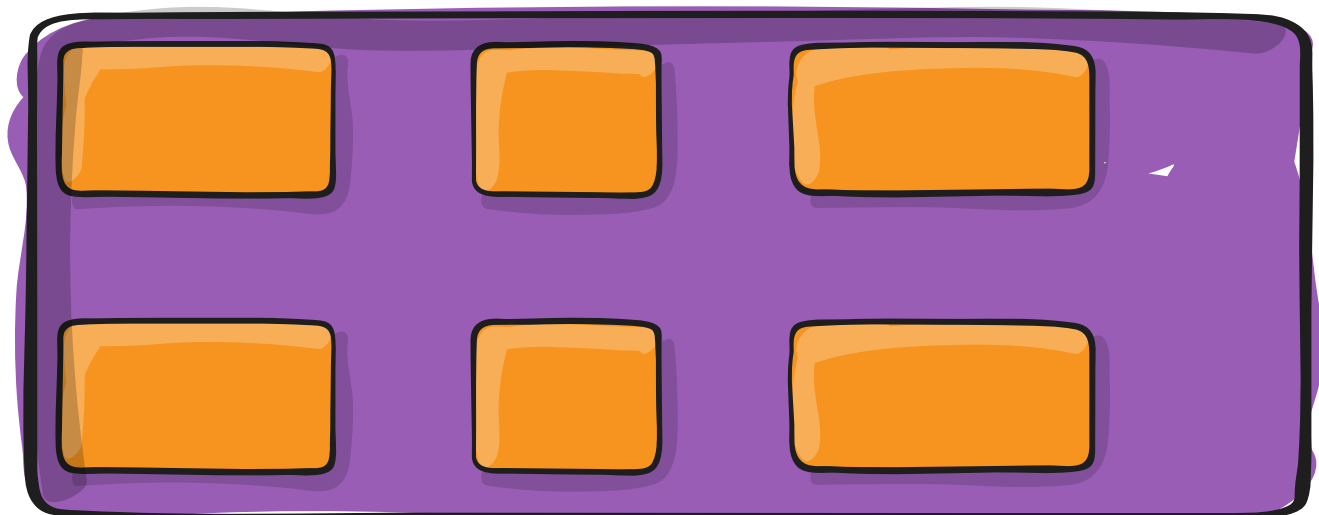
Gap

gap: Điều chỉnh khoảng cách giữa các phần tử con. Đây là một thuộc tính mới trong CSS, giúp thay thế cho **margin** hoặc **padding** trong việc tạo khoảng cách giữa các phần tử. **Gap** nhận giá trị với các đơn vị đo kích thước như px, em, rem, %, v.v.

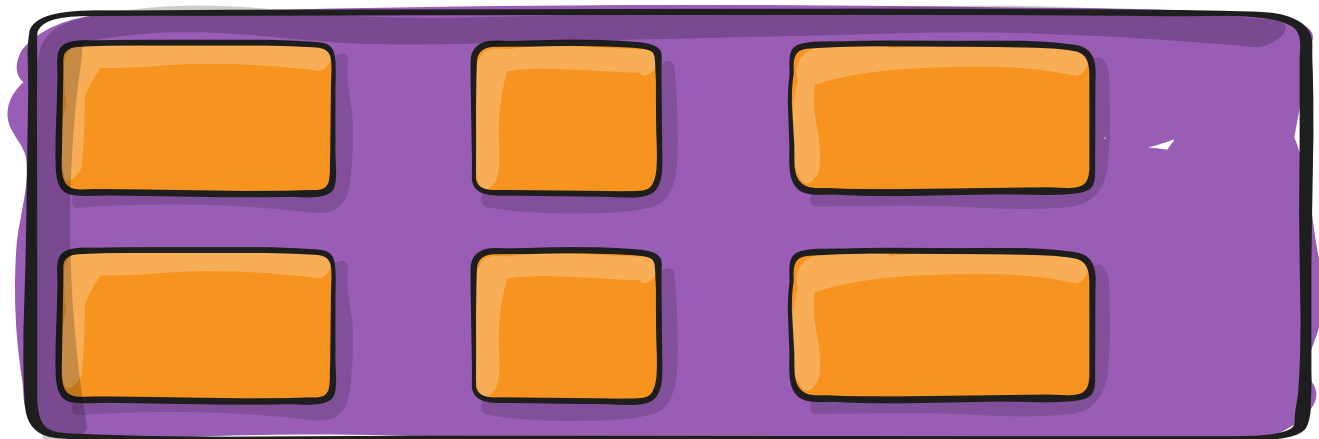
gap: 10px



gap: 30px



gap: 10px 30px



```
.container {  
  display: flex;  
  gap: 10px;  
  gap: 10px 20px; /* row-gap column-gap */  
  row-gap: 10px;  
  column-gap: 20px;  
}
```

Bài tập nhỏ:

Với chính thiết kế từ bài tập trước, hãy sử dụng Flex-box để cải thiện layout của trang web sao cho khi màn hình bị thu hẹp, các phần tử vẫn hiển thị đẹp mắt và dễ đọc.